TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
HỘI ĐỒNG THI CCƯDCNTT CƠ BẢN 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC VIÊN HOÀN THÀNH KỲ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN KHÓA III NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 353 /QĐ-ĐHTTr ngày 11 tháng 05 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi chú
					TN	TL	
1	Lê Thị Lan	Anh	17/12/1989	Tuyên Quang	7	9	
2	Dương Văn	Chiến	17/07/1977	Tuyên Quang	7.25	7	
3	Chẩu Văn	Chức	23/02/1987	Tuyên Quang	8.75	5	
4	Đinh Hương	Dịu	22/08/1992	Tuyên Quang	8.25	7	
5	Tạ Ngọc	Dũng	26/01/1982	Tuyên Quang	8.75	7	
6	Nguyễn Thị	Định	26/09/1989	Tuyên Quang	7	8	
7	Nguyễn Hương	Giang	27/09/1978	Hà Giang	8.5	7	
8	Trần Thị Hương	Giang	01/01/1987	Tuyên Quang	8.25	7.5	
9	Nguyễn Trường	Giang	01/09/1976	Thanh Hóa	9	9	
10	Nguyễn Mạnh	Hà	17/02/1983	Tuyên Quang	8.75	9	
11	Phạm Thị	Hằng	26/10/1987	Tuyên Quang	8	9	
12	Đặng Thị	Hằng	16/05/1986	Tuyên Quang	7.25	8	
13	Tô Viết	Hiệp	01/07/1981	Tuyên Quang	8.75	7.5	
14	Lê Minh	Hiếu	28/02/1998	Tuyên Quang	7.5	5.5	
15	Hoàng Huy	Hùng	26/11/1968	Hà Giang	6.25	6.5	
16	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	29/07/1983	Tuyên Quang	8.5	8	
17	Quan Thị	Huyền	10/01/1988	Tuyên Quang	5.5	9	
18	Khuất Thị	Hương	06/11/1978	Tuyên Quang	7.5	8.5	
19	Nguyễn Mai	Hương	02/04/1982	Tuyên Quang	7.5	9	
20	Hoàng Thị Thu	Hường	03/08/1985	Tuyên Quang	8.75	9	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi chú
					TN	TL	
21	Nông Quốc	Khánh	01/08/1996	Tuyên Quang	7.75	9	
22	Nguyễn Bùi Duy	Linh	19/08/1980	Tuyên Quang	9.25	6	
23	Đào Mai	Long	04/09/1995	Tuyên Quang	9.25	5.5	
24	Trịnh Ngọc	Long	11/02/1991	Thanh Hóa	7.75	9	
25	Phạm Thị	Minh	15/10/1995	Tuyên Quang	7.5	9	
26	Vũ Thị Diệu	Ngọc	22/12/1993	Tuyên Quang	8	9	
27	Nguyễn Thị	Oanh	10/01/1995	Tuyên Quang	8.25	9	
28	Lê Khánh	Phương	02/05/1977	Tuyên Quang	8.5	7	
29	Nguyễn Như	Quỳnh	27/06/1983	Yên Bái	5	6.5	
30	Vũ Thị Như	Quỳnh	01/01/1996	Tuyên Quang	6.75	6.5	
31	Lê Hoàng	Anh	24/10/1996	Tuyên Quang	7.5	6.5	
32	Phạm Xuân	Sơn	16/09/1970	Tuyên Quang	7.75	6	
33	Trần Nam	Sơn	13/09/1990	Tuyên Quang	7.75	8.5	
34	Nguyễn Ngọc	Toàn	23/04/1968	Tuyên Quang	9	9	
35	Nông Thanh	Tùng	04/01/1990	Tuyên Quang	8.25	7	
36	Nguyễn Thế	Tuyên	25/09/1991	Tuyên Quang	7.25	6.5	
37	La Thị	Thanh	27/08/1986	Tuyên Quang	8	6	
38	Mai Đức	Thành	08/03/1970	Yên Bái	8	7	
39	Vũ Trung	Thành	22/09/1986	Tuyên Quang	7.25	9.5	
40	Đỗ Mạnh	Thống	25/02/1975	Tuyên Quang	7	9	
41	Nguyễn Thị	Thúy	12/03/1981	Tuyên Quang	7.5	8.5	
42	Hà Tiến	Triển	07/05/1969	Tuyên Quang	8.25	6	
43	Hà Thị Thúy	Trinh	25/04/1982	Tuyên Quang	8.75	8.5	
44	Bàn Văn	Trọng	20/02/1971	Tuyên Quang	8.75	8.5	
45	Phạm Thúy	Vinh	10/09/1981	Tuyên Quang	9.25	9	
46	La Thị	Giang	13/08/1994	Tuyên Quang	7.25	6.5	

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi chú
					TN	TL	
47	Triệu Văn	Nghị	09/08/1998	Tuyên Quang	5.75	5	
48	Hoàng Văn	Tài	25/12/1977	Tuyên Quang	8	7.5	
49	Nguyễn Thế	Trọng	03/10/1994	Tuyên Quang	8.25	6	
50	Chẩu Đức	Hạnh	14/05/1996	Tuyên Quang	8	6	
51	Đặng Thị	Hiền	15/02/1991	Tuyên Quang	8	6	
52	Lý Thị Thu	Huyền	02/10/1992	Tuyên Quang	8.75	6	
53	Nguyễn Thị Thu	Huyền	16/10/1998	Tuyên Quang	8.75	6.5	
54	Quan Thị Phương	Liên	22/04/1989	Tuyên Quang	8.25	5	
55	Nguyễn Diệu	Linh	07/03/1992	Tuyên Quang	8.5	7	
56	Hoàng Thị	Liên	20/08/1991	Tuyên Quang	8	7.5	
57	Quan Thị Hồng	Nhung	24/10/1992	Tuyên Quang	7.75	6	
58	Hà Thị Bích	Ngọc	03/01/1998	Tuyên Quang	7.75	6.5	
59	Trần Anh	Tuấn	01/04/1996	Tuyên Quang	8	7	
60	Đỗ Văn	Quảng	02/03/1987	Bắc Kạn	9.5	6	
61	Nguyễn Thị	Yến	20/11/1992	Tuyên Quang	10	7	
62	Hoàng Văn	Thoại	15/12/1995	Tuyên Quang	9.25	7	
63	Hà Thị	Bền	29/08/1993	Tuyên Quang	6.75	5	
64	Lâm Hanh	Quỳnh	06/08/1983	Tuyên Quang	8.5	6	
65	Nguyễn Thị Thúy	Mai	22/05/1987	Tuyên Quang	9.25	6.5	
66	Duy Thị	Lan	23/04/1987	Tuyên Quang	9	5	
67	Ma Thị Thùy	Trang	24/07/1992	Tuyên Quang	9.75	8.5	

(Danh sách có 67 học viên)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm		Ghi chú
				TN	TL	